

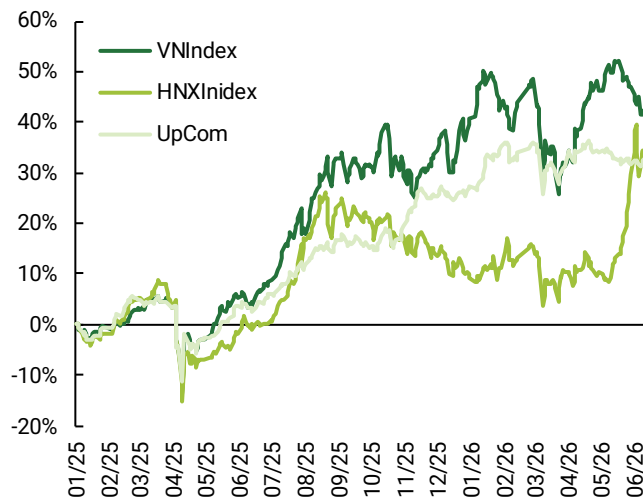
VN-Index **1798.61 (-0.28%)**
439 Tr. cổ phiếu 10214.2 Tỷ VND (-48.52%)

HNX-Index **300.09 (-0.35%)**
50 Tr. cổ phiếu 890.0 Tỷ VND (-4.66%)

UPCOM-Index **126.41 (0.54%)**
21 Tr. cổ phiếu 278.9 Tỷ VND (-70.46%)

VN30F1M **1952.80 (-0.44%)**
162,239 HD OI: 36,798 HD

% Hiệu suất từ đầu năm (YTD) các chỉ số



NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

- **Diễn biến:** Chỉ số VNIndex đóng cửa phiên tại 1798.6, giảm -5.1 điểm (-0.28%). Thanh khoản giảm với độ rộng thị trường nghiêng về bên bán. Sắc đỏ cũng ghi nhận ở VN30, HNXIndex.
- **Điểm nhấn trong phiên:** Thanh khoản sụt giảm mạnh về mức thấp kỷ lục. Dù vậy, một vài tín hiệu khởi sắc khi dòng tiền đang tìm đến những nhóm ngành ngách, nổi bật trong phiên ở nhóm Khu công nghiệp.
- Nhóm ngành và cổ phiếu biến động tích cực trong phiên: Thực phẩm và đồ uống: SAB (+2.2%), KDC (+2.7%), SBT (+3.3%) | Hóa chất: PHR (+0.9%), DPM (+1.2%), GVR (+4.3%) | Bảo hiểm: MIG (+0.6%), BVH (+2.0%). Diễn biến yếu trong phiên: Bất động sản: VRE (-1.7%), VHM (-1.6%), DIG (-1.6%) | Hàng & Dịch vụ Công nghiệp: GEX (-2.4%), GEE (-1.9%) | Ngân hàng: VAB (-1.4%), EIB (-1.2%), LPB (-1.2%) | Dịch vụ tài chính: OGC (-2.7%), HCM (-1.3%), VIX (-1.2%).
Tác động chỉ số: Chiều tăng | GVR, KBC, SAB, STB, BVH - Chiều giảm | VHM, VJC, HPG, MWG, FPT.
Khối ngoại Bán ròng gần 500 tỷ, tập trung nhiều ở NVL, VHM, VIC, trong khi mua ròng VNM, KBC, GVR.

GÓC NHÌN KỸ THUẬT

- **VN-Index** kết phiên với mẫu hình nến Spinning Top, trong bối cảnh cả biên độ và thanh khoản đều thu hẹp, phản ánh tâm lý thận trọng dè dặt. Các tín hiệu kỹ thuật cũng chưa ghi nhận sự cải thiện rõ ràng, khi MACD và RSI đều dao động ở vùng thấp. Diễn biến hiện tại mang tính kiểm định lại khu vực 1800 điểm vừa sập gãy. Đà tăng chỉ được xác nhận khi VN-Index bứt phá và củng cố được trên ngưỡng 1840 điểm. Chiều ngược lại, nếu chỉ số đánh mất mốc 1785 điểm, rủi ro điều chỉnh sẽ mở rộng hơn và gia tăng khả năng lùi về vùng 1750-1760 điểm.
- **Đối với HNX-Index**, chỉ số dao động với biên độ lớn, với sắc đỏ trở lại cuối phiên. Vận động đang chịu ảnh hưởng bởi biến động mạnh ở mã THD, KSF, rủi ro rung lắc hiện hữu nếu cổ phiếu này mất đà.
- **Chiến lược:** Duy trì tỷ trọng cổ phiếu ở mức trung bình và ưu tiên quan sát quá trình kiểm định vùng đáy gần. Trong bối cảnh dòng tiền chưa xác nhận rõ ràng, NĐT nên thận trọng trước các nhịp bật tăng kỹ thuật. Việc giải ngân chỉ nên cân nhắc khi xuất hiện tín hiệu cải thiện rõ nét về thanh khoản cũng như sức mạnh giá. Đối với NĐT có khẩu vị rủi ro cao, nên lựa chọn các cổ phiếu đã hoàn thiện mẫu hình tạo đáy và thu hút dòng tiền trở lại.

CỔ PHIẾU KHUYẾN NGHỊ

Mua DHC (Xem tiếp tại trang 7)

Diễn biến thị trường từ đầu năm đến hiện tại

| Chỉ số | Giá đóng cửa | % Thay đổi | | | Giá trị giao dịch (Tỷ VND) | % Biến động giá trị giao dịch so với | | | Khối lượng giao dịch (Triệu CP) | % Biến động khối lượng giao dịch so với | | |
|-----------------------------|--------------|------------|--------|--------|----------------------------|--------------------------------------|--------------------|---------------------|---------------------------------|---|--------------------|---------------------|
| | | (%) 1D | (%) 1W | (%) 1M | | 01 phiên trước | Trung bình 01 tuần | Trung bình 01 tháng | | 01 phiên trước | Trung bình 01 tuần | Trung bình 01 tháng |
| Theo chỉ số | | | | | | | | | | | | |
| VN-Index | 1,798.6 ▼ | -0.3% | -1.8% | -5.1% | 10,214.2 ▼ | -48.5% | -54.0% | -63.7% | 439.0 ▼ | -33.9% | -27.2% | -54.4% |
| HNX-Index | 300.1 ▼ | -0.4% | -1.6% | 21.0% | 890.0 ▼ | -4.7% | 13.9% | -30.7% | 50.3 ▼ | -13.0% | 5.1% | -25.2% |
| UPCOM-Index | 126.4 ➡ | 0.5% | 0.4% | -0.6% | 278.9 ▼ | -70.5% | -44.9% | -58.4% | 21.0 ▼ | -14.9% | -15.2% | -43.1% |
| VN30 | 1,947.3 ▼ | -0.7% | -1.8% | -4.6% | 5,640.1 ▼ | -55.0% | -65.1% | -57.4% | 174.2 ▼ | -31.8% | -46.5% | -46.0% |
| VNMID | 2,107.6 ▼ | -0.4% | -1.5% | -6.1% | 3,738.1 ▼ | -39.7% | -11.0% | -70.6% | 180.2 ▼ | -37.5% | -4.0% | -66.9% |
| VNSML | 1,343.4 ➡ | 0.0% | -0.9% | -3.6% | 460.5 ▼ | -37.5% | -66.3% | -62.7% | 42.2 ▼ | -37.1% | -44.1% | -36.2% |
| Theo ngành (VNIndex) | | | | | | | | | | | | |
| Ngân hàng | 635.7 ▼ | -0.3% | -1.17% | -1.3% | 3,332.6 ▼ | -24.1% | -27.8% | -47.7% | 150.5 ▼ | -21.7% | -26.8% | -44.7% |
| Bất động sản | 917.9 ▼ | -0.4% | -2.2% | -10.3% | 1,548.2 ▼ | -77.3% | -49.4% | -63.9% | 66.6 ▼ | -43.6% | -22.6% | -44.0% |
| Dịch vụ tài chính | 298.1 ▼ | -0.6% | -2.3% | -5.3% | 1,280.2 ▼ | -27.4% | -31.6% | -50.1% | 64.7 ▼ | -28.2% | -30.0% | -46.2% |
| Công nghiệp | 266.0 ▼ | -0.9% | -4.4% | -12.4% | 573.2 ▼ | -43.4% | -26.2% | -53.0% | 19.5 ▼ | -36.3% | -16.7% | -43.3% |
| Tài nguyên cơ bản | 513.2 ▼ | -1.0% | -2.5% | -4.8% | 389.7 ▲ | 12.7% | -19.4% | -49.1% | 19.9 ▲ | 1.5% | -20.1% | -44.4% |
| Xây dựng - Vật Liệu | 167.4 ▼ | -0.5% | -0.1% | -5.2% | 516.2 ▼ | -60.1% | -23.7% | -46.0% | 27.7 ▼ | -63.8% | -27.2% | -42.7% |
| Thực phẩm | 483.9 ➡ | 0.3% | -8.4% | -31.9% | 657.1 ▼ | -57.4% | -41.8% | -45.7% | 20.2 ▼ | -46.9% | -24.5% | -28.9% |
| Bán Lẻ | 1,406.7 ▼ | -1.4% | -2.4% | -7.7% | 489.5 ▼ | -5.6% | -5.1% | -33.3% | 6.2 ▼ | -11.1% | -11.0% | -38.6% |
| Công nghệ | 399.1 ▼ | -1.3% | -3.8% | 5.2% | 297.9 ▼ | -28.2% | -57.8% | -70.8% | 4.6 ▼ | -49.4% | -56.9% | -70.4% |
| Hóa chất | 181.6 ▲ | 2.9% | -0.6% | -1.0% | 335.4 ▲ | 47.5% | 4.4% | -35.3% | 11.2 ▲ | 20.3% | 2.5% | -25.2% |
| Tiện ích | 762.0 ➡ | 0.0% | -2.0% | 6.0% | 120.0 ▼ | -43.0% | -49.0% | -73.2% | 5.2 ▼ | -53.6% | -49.4% | -68.8% |
| Dầu khí | 111.7 ➡ | 0.1% | -3.3% | 2.4% | 245.4 ▼ | -21.7% | -29.16% | -69.7% | 7.8 ▼ | -20.2% | -26.1% | -68.1% |
| Dược phẩm | 409.1 ▼ | -0.30% | -0.1% | -1.8% | 19.4 ▼ | -17.6% | -26.4% | -74.0% | 1.0 ▼ | -33.6% | -41.7% | -71.5% |
| Bảo hiểm | 106.5 ▲ | 1.6% | -2.6% | 5.7% | 22.4 ▼ | -44.6% | -22.8% | -59.6% | 0.5 ▼ | -29.2% | -11.2% | -56.0% |

Nguồn: FiinPro, PHS tổng hợp

Diễn biến chỉ số chứng khoán của các thị trường trong khu vực và thị trường lớn trên Thế giới

| Chỉ số | Thị trường | Giá đóng cửa | % Thay đổi giá | | Chỉ số định giá | |
|---------------------|-------------|--------------|----------------|--------|-----------------|------|
| | | | 1 ngày | YTD | P/E | P/B |
| VN-Index | Việt Nam | 1,798.6 ▼ | -0.28% | 0.8% | 14.8x | 2.1x |
| SET-Index | Thái Lan | 1,572 ➡ | 0.56% | 24.8% | 16.3x | 1.4x |
| JCI-Index | Indonesia | 5,886 ▼ | -0.28% | -31.9% | 14.2x | 1.6x |
| FTSE Bursa Malaysia | Malaysia | 12,454 ▼ | -0.02% | 1.2% | 15.4x | 1.4x |
| PSEi Index | Phillipines | 5,910 ▼ | -0.53% | -2.4% | 9.1x | 1.2x |
| Shanghai Composite | Trung Quốc | 3,987 ▼ | -0.16% | 0.5% | 19.8x | 1.5x |
| Hang Seng | Hồng Kông | 24,249 ▼ | -0.65% | -5.4% | 12.6x | 1.3x |
| Nikkei 225 | Nhật Bản | 64,217 ➡ | 0.06% | 27.6% | 23.7x | 3.0x |
| S&P 500 | Mỹ | 7,267 ▼ | -1.62% | 6.2% | 26.8x | 5.5x |
| Dow Jones | Mỹ | 49,919 ▼ | -1.87% | 3.9% | 24.0x | 5.8x |
| FTSE 100 | Anh | 10,342 ➡ | 0.85% | 4.1% | 16.6x | 2.3x |
| Euro Stoxx 50 | Châu Âu | 6,067 ➡ | 0.94% | 4.8% | 17.2x | 2.4x |
| DXY | | 100.1 ➡ | 0.23% | 1.8% | | |
| USDVND | | 26,326 ➡ | 0.02% | 0.1% | | |

Nguồn: Bloomberg, PHS tổng hợp

Ghi chú: Chỉ số S&P 500, Dow Jones, FTSE 100 và Euro Stoxx 50 lấy giá đóng cửa hôm trước

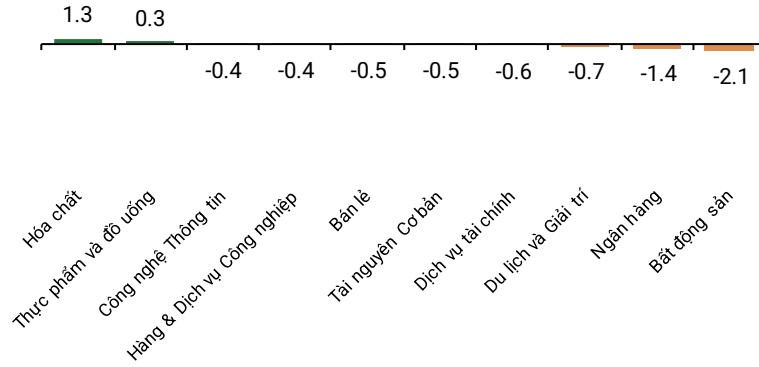
Biến động giá/ chỉ số các loại hàng hóa toàn cầu

| Giá/ Chỉ số hàng hóa | | % Thay đổi giá | | | |
|---------------------------|---|----------------|--------|--------|--------|
| | | 1D | 1M | % YTD | % YoY |
| Dầu Brent | ▼ | -1.25% | -11.8% | 51.1% | 31.8% |
| Dầu WTI | ▼ | -1.01% | -9.1% | 55.2% | 30.8% |
| Khí gas | ▼ | -2.1% | 7.1% | -15.4% | -11.1% |
| Than cốc (*) | ➡ | 0.0% | 9.7% | 17.4% | 42.0% |
| Thép HRC (*) | ➡ | 0.1% | -3.1% | 3.4% | 5.1% |
| PVC (*) | ➡ | 0.4% | -8.0% | 2.1% | -3.0% |
| Phân Urea (*) | ▼ | -7.1% | -36.0% | 20.9% | 28.1% |
| Cao su thiên nhiên | ➡ | 0.8% | 0.5% | 24.7% | 37.2% |
| Bông Cotton | ▲ | 1.7% | -17.6% | 12.5% | 10.4% |
| Đường | ➡ | 0.5% | -6.2% | -6.8% | -14.8% |
| World Container Index | ▲ | 3.4% | 55.3% | 60.4% | 0.6% |
| Baltic Dirty tanker Index | ▼ | -1.6% | -19.3% | 54.7% | 121.4% |
| Vàng | ➡ | 0.46% | -13.6% | -5.3% | 21.9% |
| Bạc | ➡ | 0.94% | -25.7% | -10.8% | 76.4% |

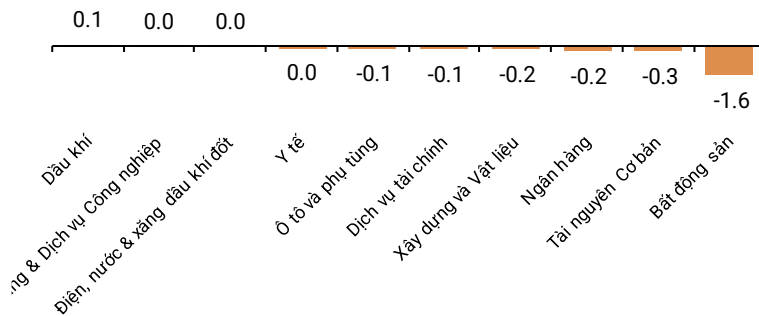
Nguồn: Bloomberg, PHS tổng hợp

Ghi chú (*) Chỉ số giá tại thị trường Trung Quốc

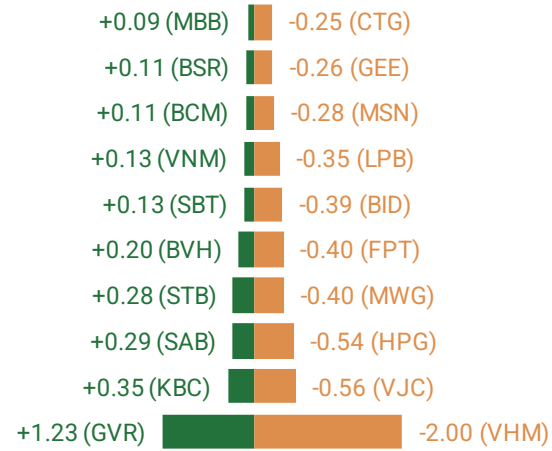
TOP NGÀNH ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO VNINDEX



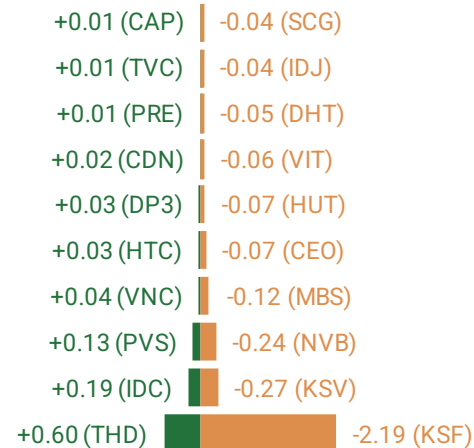
TOP NGÀNH ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO HNXINDEX



TOP CỔ PHIẾU ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO VNINDEX

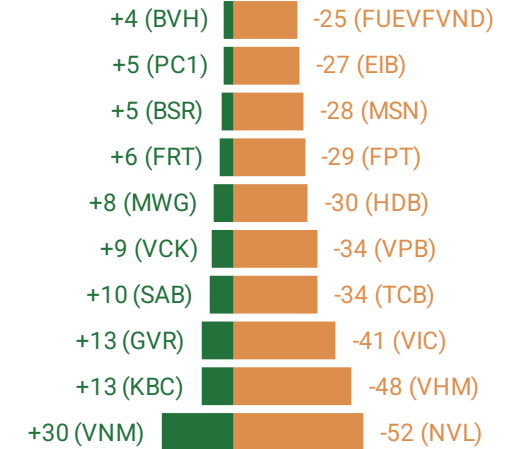


TOP CỔ PHIẾU ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO HNXINDEX

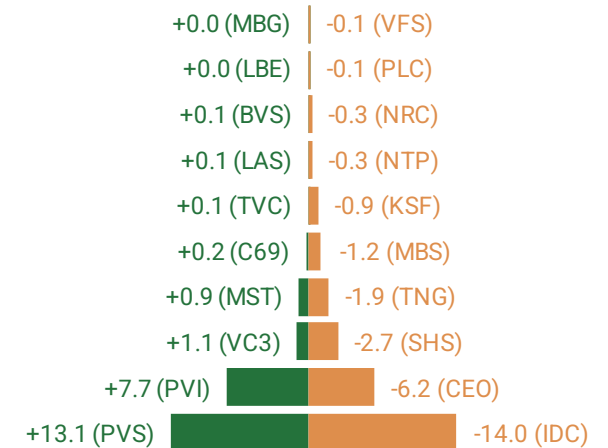


BẢN TIN CHỨNG KHOÁN THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG CƠ SỞ

TOP CỔ PHIẾU NĐTNN GIAO DỊCH RÒNG (Tỷ VND) - VNINDEX



TOP CỔ PHIẾU NĐTNN GIAO DỊCH RÒNG (Tỷ VND) - HNXINDEX



TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH KHỚP LỆNH (Tỷ VND) - VNINDEX



| | ACB | SHB | VIX | VIC | STB |
|---------|------|-------|-------|------|------|
| %DoD | 0.0% | -1.1% | -1.2% | 0.0% | 1.0% |
| Giá trị | 624 | 520 | 474 | 335 | 292 |

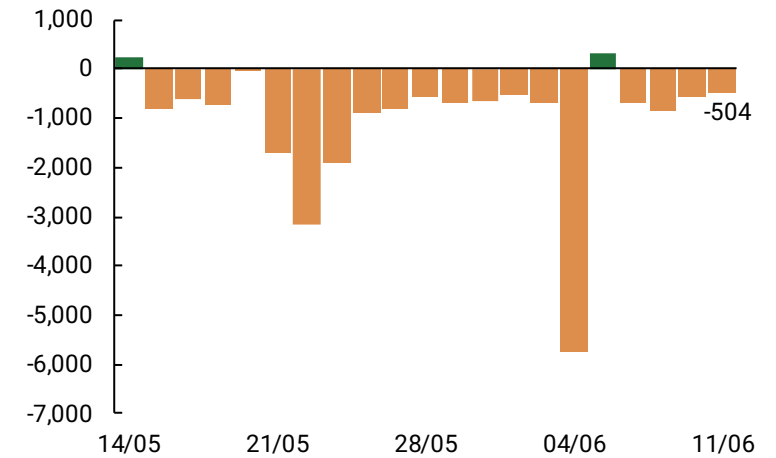
TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH THỎA THUẬN (Tỷ VND) VNINDEX



| | HDB | MWG | MSB | VSC | HPG |
|---------|-------|-------|------|-------|-------|
| %DoD | -0.8% | -1.7% | 0.0% | -0.3% | -1.3% |
| Giá trị | 140 | 128 | 104 | 82 | 46 |

BẢN TIN CHỨNG KHOÁN THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG CƠ SỞ

GIÁ TRỊ GD RÒNG NĐTNN TẠI VNINDEX (Tỷ VND)



TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH KHỚP LỆNH (Tỷ VND) - HNXINDEX



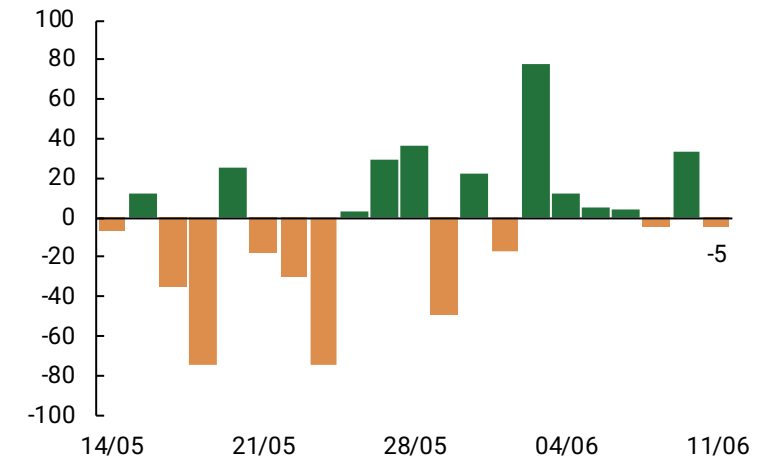
| | SHS | PVS | IDC | CEO | MBS |
|---------|------|------|------|-------|-------|
| %DoD | 0.0% | 1.0% | 1.9% | -1.3% | -1.0% |
| Giá trị | 313 | 89 | 87 | 33 | 28 |

TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH THỎA THUẬN (Tỷ VND) HNXINDEX



| | HUT | TPP | LHC | CEO | SHS |
|---------|-------|------|------|-------|------|
| %DoD | -0.6% | 0.0% | 0.1% | -1.3% | 0.0% |
| Giá trị | 89 | 9 | 7 | 1 | 1 |

GIÁ TRỊ GD RÒNG NĐTNN TẠI HNXINDEX (Tỷ VND)





Góc nhìn kỹ thuật VNINDEX

- ✓ Nến Spinning Top, vol dưới mức bình quân 20 phiên.
- ✓ Hỗ trợ: 1750 | 1800.
- ✓ Kháng cự: 1850 | 1900.
- ✓ MACD cắt xuống đường tín hiệu, RSI dưới ngưỡng trung bình.
- ✓ Xu hướng: Điều chỉnh.

Kịch bản: VN-Index tiếp tục giằng co quanh mốc tâm lý 1800 điểm trong bối cảnh thanh khoản duy trì mức thấp. Vận động vẫn nằm trong nến giảm ngày 08/06 cho thấy áp lực điều chỉnh còn chi phối. Đà tăng chỉ được xác nhận khi chỉ số trở lại vận động trên ngưỡng 1840 điểm. Trái lại, nếu chỉ số lùi về dưới ngưỡng 1785 điểm sẽ mở rộng đà giảm về khu vực 1750 – 1760 điểm.



Góc nhìn kỹ thuật VN30

- ✓ Nến thân nhỏ, vol dưới mức bình quân 20 phiên.
- ✓ Hỗ trợ: 1900 | 1960.
- ✓ Kháng cự: 2000 | 2060.
- ✓ MACD cắt xuống đường tín hiệu, RSI dưới ngưỡng trung bình.
- ✓ Xu hướng: Điều chỉnh.

Kịch bản: Chỉ số giằng co với biên độ hẹp cùng thanh khoản duy trì mức thấp. Khu vực 1960 – 1980 điểm sau khi bị xuyên thủng đã hoán đổi vai trò trở thành kháng cự gần trong ngắn hạn. Đà tăng chỉ thực sự được củng cố khi VN30 bứt phá trên vùng này. Ngược lại, nếu chỉ số lùi về dưới ngưỡng 1935 điểm sẽ mở rộng áp lực điều chỉnh về vùng tâm lý 1900 điểm.

| STOCK | | STRATEGY | Technical | | | Financial Ratio | |
|----------|------------|------------|---------------|-------|--------------------|------------------|--------|
| Ticker | DHC | BUY | Current price | | 36.7 | P/E (x) | 7.8 |
| Exchange | HOSE | | Action price | 10/06 | 36.4 - 36.7 | P/B (x) | 1.5 |
| Sector | Paper | | Target price | | 40 | EPS | 4707.5 |
| | | | Cut loss | | 34.5 | ROE | 20.7% |
| | | | | | | Stock Rating | A |
| | | | | | | Scale Market Cap | Medium |



TÍN HIỆU KỸ THUẬT

- Giá kiểm định thành công MA20 ngày.
 - MACD cắt lên đường tín hiệu cùng với RSI cải thiện lên trên ngưỡng trung bình, hàm ý động lượng tăng phục hồi.
 - Thanh khoản tăng cho thấy dòng tiền quay trở lại.
- Xu hướng điều chỉnh yếu dần và có thể tiếp tục quán tính tăng.
 → Khuyến nghị Mua, có thể tận dụng rung lắc trong phiên.

Cổ phiếu khuyến nghị trong ngày

| STT | Mã CK | Khuyến nghị | Ngày khuyến nghị | Giá hiện tại | Giá hành động | LN/Lỗ thực hiện | Giá mục tiêu | LN kỳ vọng | Giá cắt lỗ | Rủi ro giảm | Ghi chú |
|-----|-------|-------------|------------------|--------------|---------------|-----------------|--------------|------------|------------|-------------|---------------------------|
| 1 | DHC | Mua | 11/06/2026 | 36.70 | 36.4 - 36.7 | - | 40 | 9.4% | 34.5 | -5.6% | Cập nhật trên Elite Picks |

Danh mục cổ phiếu đang khuyến nghị

| STT | Mã CK | Khuyến nghị | Ngày khuyến nghị | Ngày cập nhật khuyến nghị | Giá hiện tại | Giá thực hiện | LN/Lỗ hiện tại | Giá mục tiêu | LN kỳ vọng | Giá cắt lỗ | Rủi ro giảm | Ghi chú |
|-----|-------|-------------|------------------|---------------------------|--------------|---------------|----------------|--------------|------------|------------|-------------|---------|
| 1 | MBB | Mua | 05/05/2026 | - | 24.75 | 25.9 - 26.1 | -4.8% | 29 | 11.5% | 24.4 | -6.2% | |
| 2 | SAB | Mua | 22/05/2026 | - | 48.6 | 47.8 - 48.2 | 1.3% | 53 | 10.4% | 45.5 | -5.2% | |
| 3 | VCB | Mua | 28/05/2026 | - | 61.6 | 63 - 63.5 | -2.6% | 70 | 10.7% | 60 | -5.1% | |
| 4 | VAB | Mua | 04/06/2026 | - | 10.8 | 10.45 - 10.6 | 2.6% | 11.6 | 10.2% | 10 | -5.0% | |
| 5 | VLB | Mua | 11/06/2026 | - | 48.0 | 47.2 - 48 | 0.8% | 52 | 9.2% | 45.5 | -4.4% | |



Tín hiệu kỹ thuật

- **Hợp đồng VN30F1M** đóng cửa tại 1952.8, giảm 8.7 điểm (-0.4%). Giá chịu áp lực điều chỉnh ngay khi mở cửa, dù sớm lấy lại cân bằng, nhưng nỗ lực phục hồi sau đó vẫn chưa thành công.
- **Ở đồ thị 1 giờ**, chỉ báo RSI và MACD giữ đà phục hồi, nhưng dao động ở vùng thấp, chưa xác nhận cho động lực. Xu hướng lớn vẫn nghiêng về giảm, các phản ứng bật tăng mang tính phục hồi kỹ thuật. Vị thế Long chỉ nên cân nhắc khi giá củng cố được trên ngưỡng 1958. Vị thế Short có thể tham gia khi giá lùi về dưới ngưỡng 1946.
- **Hợp đồng VN100F1M** đóng cửa tại tham chiếu 1877.2. Độ lệch basis 5.8 điểm (cao hơn VN100 cơ sở). Khối lượng khớp lệnh giảm, đạt 19 HĐ. Hỗ trợ gần quanh khu vực 1870 điểm, trong khi kháng cự là ngưỡng 1890 điểm.

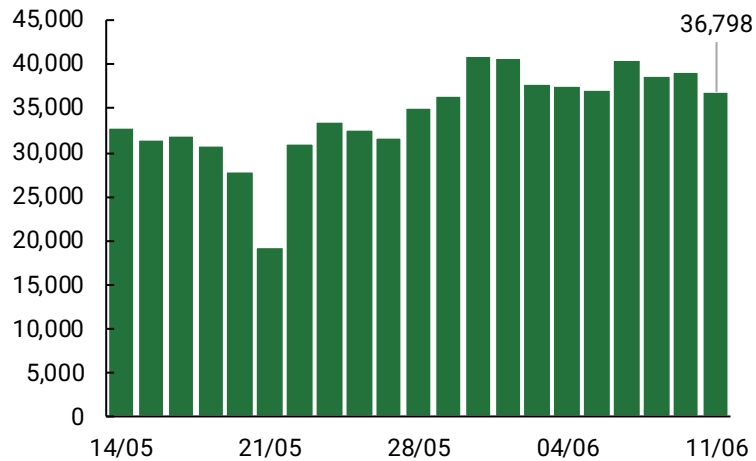
Chiến lược giao dịch trong ngày

| Vị thế | Điểm vào | Chốt lời | Cắt lỗ | Lợi nhuận/Rủi ro |
|--------|----------|----------|--------|------------------|
| Long | > 1958 | 1972 | 1950 | 14 : 8 |
| Short | < 1946 | 1934 | 1954 | 12 : 8 |

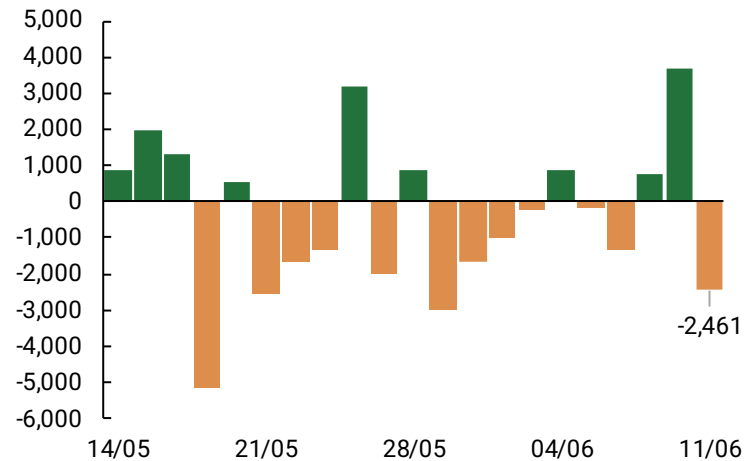
Thống kê hợp đồng tương lai

| Mã hợp đồng | Giá đóng cửa | Thay đổi (điểm) | KL giao dịch | KL Mở | Giá lý thuyết | Chênh lệch | Ngày thanh toán | Thời hạn còn lại (ngày) |
|-------------|--------------|-----------------|--------------|--------|---------------|------------|-----------------|-------------------------|
| 4111GC000 | 1,951.7 | -4.2 | 45 | 231 | 1,962.6 | -10.9 | 17/12/2026 | 189 |
| 4111G9000 | 1,951.5 | -6.2 | 62 | 537 | 1,955.2 | -3.7 | 17/09/2026 | 98 |
| 4111G7000 | 1,946.7 | -11.0 | 449 | 1,773 | 1,950.1 | -3.4 | 16/07/2026 | 35 |
| 4111G6000 | 1,952.8 | -8.7 | 162,239 | 36,798 | 1,947.8 | 5.0 | 18/06/2026 | 7 |
| 4112G6000 | 1,877.2 | 0.0 | 19 | 38 | 1,871.9 | 5.3 | 18/06/2026 | 7 |

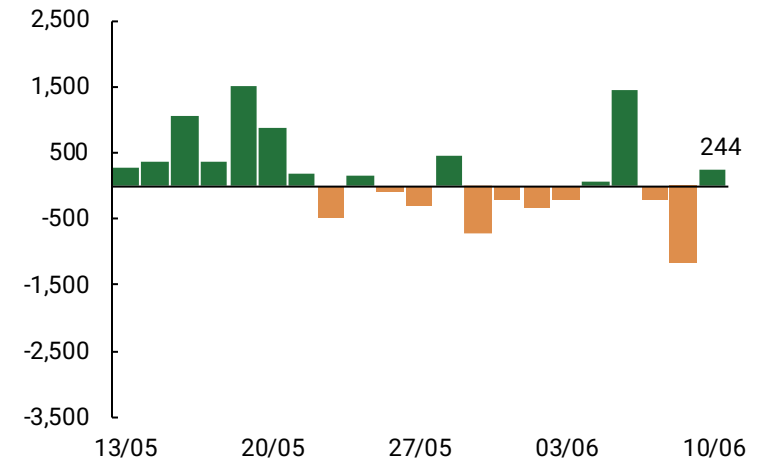
Khối lượng mở (Open interest)



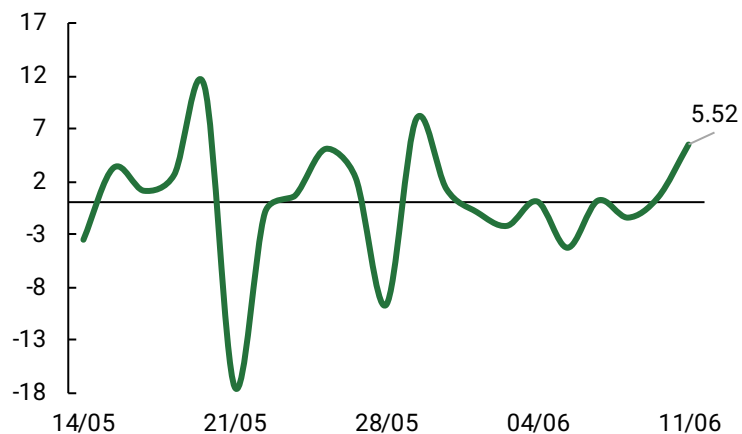
Khối lượng giao dịch ròng của khối ngoại (Hợp đồng)



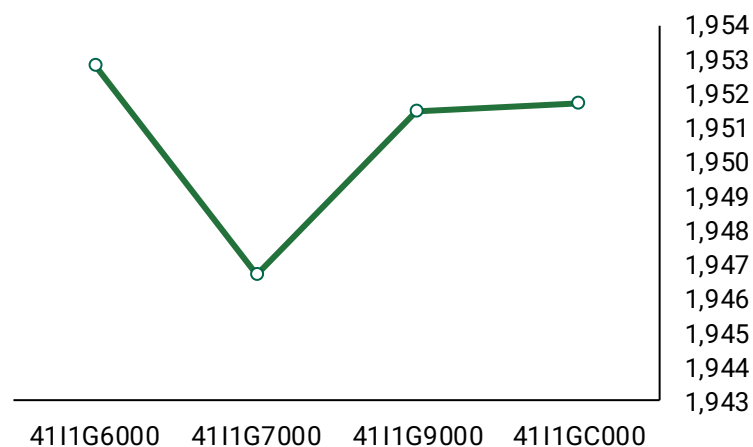
Khối lượng giao dịch ròng của tự doanh (Hợp đồng)



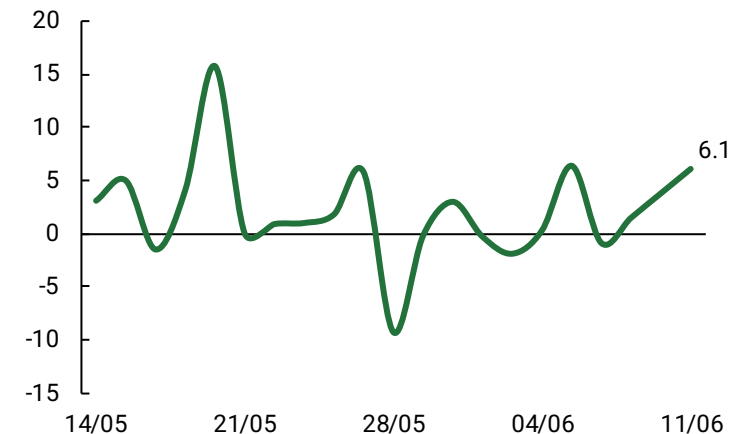
Basis hợp đồng tương lai



Đường cong hợp đồng tương lai



VN30F1M - VN30F2M



- 01/06 Việt Nam, Mỹ - Chỉ số PMI
- 03/06 Việt Nam – Dữ liệu kinh tế vĩ mô tháng 5 và 5 tháng đầu năm
- 05/06 Mỹ - Tỷ lệ thất nghiệp, Bảng lương phi nông nghiệp
- 10/06 Mỹ - Chỉ số CPI
Trung Quốc - Chỉ số CPI, PPI
- 11/06 Mỹ - Chỉ số PPI
- 13/06 Việt Nam - VNM ETF công bố danh mục
- 16/06 Trung Quốc - Sản xuất công nghiệp, Doanh số bán lẻ
Nhật Bản – BoJ công bố lãi suất
- 17/06 Mỹ - Doanh số bán lẻ
- 18/06 Việt Nam - Đáo hạn hợp đồng phái sinh
Mỹ - FED công bố lãi suất
Anh - BoE công bố lãi suất
- 24/06 Việt Nam - MSCI công bố kết quả xếp hạng thị trường
- 25/06 Mỹ - Chỉ số PCE, dữ liệu GDP sau cùng

THÔNG TIN VĨ MÔ

Iran tuyên bố đóng eo biển Hormuz: Lực lượng Vệ binh Cách mạng Iran tuyên bố eo biển Hormuz đóng cửa với mọi tàu chở dầu và tàu thương mại, đồng thời cảnh báo sẽ tấn công các tàu cố tình đi qua. Mỹ bác bỏ tuyên bố này, song lưu lượng tàu qua khu vực hiện chỉ còn khoảng 15% so với trước xung đột. Diễn biến làm gia tăng nguy cơ thiếu hụt nguồn cung dầu, gây áp lực lên giá năng lượng và lạm phát toàn cầu.

Lạm phát Mỹ tăng lên mức cao nhất 3 năm, áp lực Fed duy trì chính sách cứng rắn: CPI Mỹ tháng 5 tăng 0.5% so với tháng trước và 4.2% so với cùng kỳ, mức cao nhất kể từ tháng 4/2023. Động lực chính đến từ giá năng lượng tăng 3.9% trong tháng và 23.5% so với cùng kỳ, trong khi CPI lõi chỉ tăng 2.9% YoY. Dữ liệu này làm gia tăng khả năng Fed duy trì lãi suất cao lâu hơn, thậm chí thị trường bắt đầu tính đến kịch bản nâng lãi suất vào cuối năm.

Giá vàng thế giới lao dốc xuống dưới 4,100 USD/ounce: Giá vàng giao ngay có lúc giảm về khoảng 4,022 USD/ounce, mức thấp nhất trong hơn sáu tháng, trước khi phục hồi nhẹ. Kim loại quý chịu sức ép từ đồng USD mạnh, lợi suất trái phiếu tăng và kỳ vọng Fed có thể thắt chặt tiền tệ để ứng phó với lạm phát năng lượng.

THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Nhóm CII tiếp tục tăng sở hữu tại PC1: Vào 4/6/2026, CII Invest mua thêm 500,000 cổ phiếu, nâng tỷ lệ nắm giữ lên 1.79% và của nhóm CII lên 6.01% (24.72 triệu cổ phiếu). Ở diễn biến khác, PC1 thông báo dời ngày chốt danh sách cổ đông cho ĐHĐCĐ bất thường từ 5/6 sang 25/6 và đã nhận công văn từ Cảnh sát điều tra liên quan đến xử lý vi phạm pháp luật của một số cá nhân trong công ty.

VPI - Văn Phú liên tục huy động trái phiếu, lập công ty con: Văn Phú tiếp tục huy động trái phiếu, phát hành lô VPI12603 vào ngày 02/06/2026, thu về 150 tỷ đồng, nâng tổng dư nợ kênh trái chủ gần 1.6 nghìn tỷ đồng. Trái phiếu 36 tháng, lãi suất cố định 11.5% năm đầu, sau đó thả nổi không thấp hơn 10.5%/năm. Đây là lô thứ ba trong năm, sau VPI12601 (150 tỷ) và VPI12602 (180 tỷ). Tính đến nay Văn Phú đã phát hành 19 lô trái phiếu, 9 lô còn lưu hành, tổng giá trị 1,565 tỷ đồng, và đồng thời thành lập công ty con mới.

VLC - Bà Mai Kiều Liên ký một văn bản quan trọng, dự kiến thu về gần 1,200 tỷ đồng: Ngày 9/6, HĐQT Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam (UPCoM: VLC) đã thông qua việc chuyển nhượng dự án đầu tư tại Tam Đảo cho Công ty TNHH Chăn nuôi Việt Nhật (JVL). Nghị quyết do bà Mai Kiều Liên, Chủ tịch HĐQT VLC, ký ban hành, đồng thời phê duyệt hợp đồng chuyển nhượng với giá trị 1,173 tỷ đồng. Dự án được chuyển nhượng là Tổ hợp chăn nuôi và chế biến bò thịt Vinabeef Tam Đảo, có quy mô 75.6 ha tại Tam Đảo, tỉnh Vĩnh Phúc.

HBC - Hoán đổi gần 470 tỷ đồng nợ thành cổ phiếu: Xây dựng Hòa Bình trình cổ đông kế hoạch phát hành hơn 46.9 triệu cổ phiếu với giá 10,000 đồng/cp để hoán đổi hơn 469 tỷ đồng công nợ cho 96 nhà cung cấp, nhà thầu phụ và đối tác. Nếu hoàn tất, phương án này sẽ giúp HBC giảm áp lực thanh toán bằng tiền mặt và củng cố vốn chủ sở hữu. Toàn bộ số cổ phiếu phát hành sẽ bị hạn chế chuyển nhượng trong một năm.

| Mã CK | Thị giá | Giá hợp lý * | Upside/ Downside | Khuyến nghị |
|-------|---------|--------------|---------------------|---------------|
| BCM | 53,200 | 73,400 | 38.0% | Mua |
| CTG | 33,350 | 45,200 | 35.5% | Mua |
| CTD | 71,600 | 82,900 | 15.8% | Tăng tỷ trọng |
| DBD | 49,350 | 68,000 | 37.8% | Mua |
| DDV | 25,760 | 35,900 | 39.4% | Mua |
| DGW | 39,150 | 47,500 | 21.3% | Mua |
| DPG | 39,450 | 42,300 | 7.2% | Nắm giữ |
| DPR | 40,800 | 46,500 | 14.0% | Tăng tỷ trọng |
| DRI | 14,476 | 17,200 | 18.8% | Tăng tỷ trọng |
| EVF | 13,550 | 14,400 | 6.3% | Nắm giữ |
| FRT | 119,000 | 157,600 | 32.4% | Mua |
| GMD | 75,600 | 92,700 | 22.6% | Mua |
| HAH | 53,700 | 60,300 | 12.3% | Tăng tỷ trọng |
| HDG | 21,300 | 30,900 | 45.1% | Mua |
| HHV | 11,450 | 12,300 | 7.4% | Nắm giữ |
| HPG | 23,300 | 30,700 | 31.8% | Mua |
| IMP | 46,150 | 55,000 | 19.2% | Tăng tỷ trọng |
| KDH | 23,350 | 38,800 | 66.2% | Mua |
| MCH | 130,300 | 177,200 | 36.0% | Mua |
| MWG | 76,900 | 115,600 | 50.3% | Mua |

| Mã CK | Thị giá | Giá hợp lý * | Upside/ Downside | Khuyến nghị |
|-------|---------|--------------|---------------------|---------------|
| MBB | 24,750 | 34,000 | 37.4% | Mua |
| NLG | 26,450 | 39,900 | 50.9% | Mua |
| NT2 | 22,350 | 27,700 | 23.9% | Mua |
| PHR | 64,500 | 72,800 | 12.9% | Tăng tỷ trọng |
| PNJ | 62,000 | 75,500 | 21.8% | Mua |
| PVS | 38,600 | 39,900 | 3.4% | Nắm giữ |
| PVT | 19,850 | 18,900 | -4.8% | Giảm tỷ trọng |
| POW | 13,600 | 15,000 | 10.3% | Tăng tỷ trọng |
| SAB | 48,600 | 57,900 | 19.1% | Tăng tỷ trọng |
| SSI | 26,300 | 32,100 | 22.1% | Mua |
| TLG | 48,250 | 50,900 | 5.5% | Nắm giữ |
| TCB | 30,850 | 41,700 | 35.2% | Mua |
| TCM | 20,250 | 35,300 | 74.3% | Mua |
| TRC | 76,500 | 94,800 | 23.9% | Mua |
| VCB | 61,600 | 84,200 | 36.7% | Mua |
| VPB | 26,000 | 36,500 | 40.4% | Mua |
| VCG | 19,600 | 26,200 | 33.7% | Mua |
| VHC | 57,000 | 60,000 | 5.3% | Nắm giữ |
| VNM | 59,200 | 66,650 | 12.6% | Tăng tỷ trọng |

* Giá hợp lý đã điều chỉnh các quyền thực hiện sau ngày báo cáo

Đảm bảo phân tích

Báo cáo được thực hiện bởi **Lê Trần Khang, chuyên viên phân tích cao cấp – Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng**. Mỗi nhân viên phụ trách về phân tích, chiến lược hay nghiên cứu chịu trách nhiệm cho sự chuẩn bị và nội dung của tất cả các phần có trong bản báo cáo nghiên cứu này đảm bảo rằng, tất cả các ý kiến của những người phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đều phản ánh trung thực và chính xác ý kiến cá nhân của họ về những vấn đề trong bản báo cáo. Mỗi nhân viên phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đảm bảo rằng họ không được hưởng bất cứ khoản chi trả nào trong quá khứ, hiện tại cũng như tương lai liên quan đến các khuyến cáo hay ý kiến thể hiện trong bản báo cáo này

Miễn trừ trách nhiệm

Báo cáo nghiên cứu này được chuẩn bị bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (PHS) nhằm mục đích cung cấp thông tin. Thông tin được trình bày trong báo cáo này được thu thập từ các nguồn được cho là đáng tin cậy, nhưng PHS không đảm bảo về tính chính xác hoặc đầy đủ của thông tin đó. Các quan điểm, ước tính, và dự báo trong báo cáo này phản ánh đánh giá hiện tại của tác giả tại thời điểm phát hành báo cáo và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Báo cáo này không phải là một lời đề nghị bán hoặc mời chào mua bất kỳ loại chứng khoán nào. Báo cáo này không nhằm mục đích cung cấp tư vấn đầu tư cá nhân và không xét đến các mục tiêu đầu tư cụ thể, tình hình tài chính, hoặc nhu cầu của bất kỳ cá nhân nào. PHS, các công ty liên kết và/hoặc các cán bộ, giám đốc hoặc nhân viên của họ có thể có lợi ích hoặc vị trí trong, và có thể thực hiện các giao dịch liên quan đến chứng khoán hoặc quyền chọn được đề cập trong báo cáo này. PHS cũng có thể thực hiện hoặc tìm cách thực hiện các dịch vụ ngân hàng đầu tư hoặc các dịch vụ khác cho các công ty được đề cập trong báo cáo này. PHS, các công ty liên kết của mình, cũng như các cán bộ, giám đốc hoặc nhân viên của họ, không chịu bất kỳ trách nhiệm pháp lý nào đối với bất kỳ tổn thất trực tiếp hoặc hệ quả nào phát sinh từ việc sử dụng báo cáo này hoặc nội dung của nó

© Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (PHS)

Tầng 21, Phú Mỹ Hưng Tower, 08 Hoàng Văn Thái, phường Tân Phú, quận 7, Tp.HCM

Điện thoại: (+84-28) 5 413 5479

Fax: (+84-28) 5 413 5472

Hỗ trợ khách hàng: 1900 25 23 58

Hỗ trợ đặt lệnh: (+84-28) 5 413 5488

E-mail: info@phs.vn / support@phs.vn

Web: www.phs.vn

Chi nhánh Quận 1

Phòng 1003A, Tầng 10, Tòa nhà Ruby, 81-83-83B-85 Hàm Nghi, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp.HCM

Điện thoại: (84-28) 3 535 6060

Fax: (84-28) 3 535 2912

Chi nhánh Quận 3

Tầng 4, D&D Tower, 458 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 2, Quận 3, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 3 820 8068

Fax: (84-28) 3 820 8206

Chi nhánh Tân Bình

Tòa nhà Park Legend, 251 Hoàng Văn Thụ, Phường 2, Quận Tân Bình, Tp.HCM

Điện thoại: (84-28) 3 813 2401

Fax: (84-28) 3 813 2415

Chi nhánh Thanh Xuân

Tầng 5 - Văn phòng C, Tòa nhà Taisei Square Hanoi - số 289 đường Khuất Duy Tiến, phường Đại Mỗ, Tp.Hà Nội.

Điện thoại: (84-24) 6 250 9999

Fax: (84-24) 6 250 6666

Chi nhánh Hải Phòng

Tầng 2, Tòa nhà Eliteco, 18 Trần Hưng Đạo, Quận Hồng Bàng, Hải Phòng

Điện thoại: (84-225) 384 1810

Fax: (84-225) 384 1801